

CHIẾT TÍNH PHỤ TRỢI NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

STT	HỌ TÊN	Khung định mức giờ chuẩn	Tổng số tiết thực hiện thừa thiếu NH 2014 -2015	Số tiết thừa 13-14	Số tiết thiếu NH (14-15) sau khi trừ NH (13-14)	Tổng hệ số	Lương 12 tháng	Lương dạy thêm 1 giờ	Tổng số tiền				Số thuế TNCN tạm khấu trừ	Số tiền thực nhận	Ghi chú
									Phụ trợi tính đến (200tiết)	Số tiền (thừa trên 200 tiết năm 2013-2014	Số tiền (thừa trên 200 tiết năm 2014-2015	Tổng cộng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Lê Thị Hồng Vân	260	29,2		0,0	4,908	67.723.500	169.058	4.936.494	0		4.936.494	164.550	4.771.944	
2	Phan Thị Thùy Trang	260	(70,1)		(70,1)	4,350	60.030.000	149.853				0	0	0	
3	Lê Thị Mai Hường	260	(56,6)		(56,6)	3,872	53.426.700	133.369				0	0	0	
4	Nguyễn Thị Dinh	290	(99,9)		(99,9)	5,746	79.297.560	177.473				0	0	0	
5	Đỗ Thị Ngát	260	(113,3)		(113,3)	3,872	53.426.700	133.369				0	0	0	
6	Nguyễn Anh Kiệt	290	(40,7)		(40,7)	5,549	76.576.200	171.382				0	0	0	
7	Đinh Thị Huyền	260	6,0		0,0	3,872	53.426.700	133.369	800.214	0		800.214		800.214	
8	Phạm Thị Vinh	260	(19,5)		(19,5)	4,590	63.342.000	158.121				0	0	0	
9	Đỗ Thị Thơm	260	0,7	22,1	0,0	3,872	53.426.700	133.369	93.358	1.215.500		1.308.858		1.308.858	
10	Nguyễn Ngọc Quỳnh	260	11,2		0,0	4,379	56.405.200	140.804	1.577.005	0		1.577.005		1.577.005	
11	Trần Thị Hồng Thu	260	(122,6)		(122,6)	4,973	68.620.500	171.297				0	0	0	
12	Lương Thị Thanh Hà	310	(192,7)		(192,7)	7,719	106.522.200	223.023				0	0	0	
13	Cao Thị Hồng Thắm	260	(115,7)		(115,7)	3,872	53.426.700	133.369				0	0	0	
14	Nguyễn Thị Mai	320	(57,6)		(57,6)	9,299	128.327.580	260.280				0	0	0	
15	Bùi Thành Dũng	260	(117,9)		(117,9)	3,338	46.057.500	114.973				0	0	0	
16	Trần Văn Lượng	260	(173,3)		(173,3)	2,925	40.365.000	100.763				0	0	0	